

Số: 847/TB-ĐHNN

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2017

THÔNG BÁO

Lịch thi chuẩn đầu ra đối với sinh viên chính quy và sinh viên bằng kép ĐHNN-ĐHQGHN năm học 2017 -2018

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội thông báo lịch thi chuẩn đầu ra năm học 2017 -2018 đối với sinh viên chính quy và sinh viên bằng kép Trường ĐHNN-ĐHQGHN như sau:

1. Lịch thi và thời hạn đăng ký dự thi

TT	Lịch thi	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Định dạng đề thi	Thời hạn nộp Hồ sơ và lệ phí thi	Khóa
1	25/11/2017 (Thứ 7)	Tiếng Anh	VSTEP.3-5	30/10/2017-10/11/2017	QH.2014 QH.2015
		Tiếng Nga, Trung, Pháp, Hàn, Đức, Nhật	Chuẩn đầu ra bậc 5		
2	17/03/2018 (Thứ 7)	Tiếng Anh	VSTEP.3-5	19/02/2018-02/03/2018	QH.2015 QH.2016
		Tiếng Nga, Trung, Pháp, Hàn, Đức, Nhật	Chuẩn đầu ra bậc 5		
3	19/05/2018 (Thứ 7)	Tiếng Anh	VSTEP.3-5	23/04/2018-04/05/2018	QH.2015 QH.2016
		Tiếng Nga, Trung, Pháp, Hàn, Đức, Nhật	Chuẩn đầu ra bậc 5		

* Bài thi Nói được bố trí theo các ca thi khác nhau vào chiều Thứ 7 hoặc Chủ nhật liền kề.

2. Đối tượng dự thi

Sinh viên chính quy và sinh viên bằng kép của Trường ĐHNN từ khóa QH2014 trở đi.

3. Lệ phí dự thi

- Miễn lệ phí dự thi đối với thí sinh đăng ký dự thi lần 1.
- 150.000 VNĐ đối với thí sinh đăng ký dự thi từ lần 2.

Chú ý:

- Đối với những trường hợp nộp hồ sơ muộn, chuyển đợt thi và rút hồ sơ thi, Nhà trường áp dụng mức lệ phí riêng. Thông tin chi tiết, xin vui lòng tham khảo tại đường link: <http://vstep.vn/tcko/tin-tuc/le-phi-thi-dgnlnn-tai-truong-dhnn-dhqghn-ap-dung-ke-tu-thang-9-nam-2017>

- Nhà trường có quyền từ chối thí sinh nộp hồ sơ muộn nếu điều kiện tổ chức thi không cho phép.

4. Đăng ký dự thi và nộp hồ sơ

Bước 1: Thí sinh khai Phiếu đăng ký dự thi theo Mẫu tại đường link: <http://vstep.vn/tcko/bieu-mau/download-bieu-mau>

Bước 2: Thí sinh nộp hồ sơ và lệ phí thi tại Phòng 106- Nhà A4-Trường ĐHNN trong giờ hành chính vào các ngày làm việc trong tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, Tết). Hồ sơ gồm:

- Phiếu đăng ký dự thi có dán ảnh 3x4cm (chụp trong vòng 06 tháng).
 - 01 bản photo Chứng minh nhân dân hoặc một trong các loại giấy tờ tùy thân khác như Căn cước công dân/Hộ chiếu/Giấy phép lái xe.
 - 01 bản photo Thẻ sinh viên. Trường hợp mất thẻ, cần có xác nhận của Khoa đào tạo.
- Chi chú: Thí sinh mang theo bản gốc CMND và Thẻ sinh viên để đối chiếu khi nộp hồ sơ*

5. Định dạng đề thi

- Định dạng bài thi VSTEP.3-5 được áp dụng cho môn thi tiếng Anh (xem Phụ lục 1).
- Định dạng bài thi Chuẩn đầu ra bậc 5 (C1) được áp dụng cho các môn thi tiếng Nga, Trung, Pháp, Hàn, Đức, Nhật (xem Phụ lục 2).

6. Danh sách phòng thi

Thí sinh xem danh sách phòng thi và số báo danh tại Website <http://vstep.vn> trước 03 ngày khi kỳ thi diễn ra.

7. Kết quả thi

- Thông báo tại Website <http://vstep.vn> sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thi.
- Trung tâm Khảo thí gửi kết quả thi đến các khoa đào tạo trong Trường để thông báo cho sinh viên.

8. Chứng chỉ

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau ngày công bố kết quả thi trên Website, thí sinh cần đăng ký và nộp phí 100.000VNĐ tại Phòng 106- Nhà A4 Trường ĐHNN. Nhà trường chỉ cấp Chứng chỉ một lần duy nhất.
- Thí sinh nhận Chứng chỉ sau 20 ngày làm việc kể từ ngày thi.

9. Lịch phát Chứng chỉ

Thứ 3 và Thứ 5 hàng tuần tại Trung tâm Khảo thí - Phòng 106- Nhà A4 - Trường ĐHNN-ĐHQGHN.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Các đơn vị trong Trường (để biết);
- Các khoa đào tạo trong Trường (để phối hợp thực hiện);
- Lưu: HCTH, KHTC, KT, Thoa35.

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

Đỗ Tuấn Minh

Phụ lục 1: Định dạng đề thi VSTEP.3-5

Bài thi	Thời gian	Số câu hỏi/nhiệm vụ bài thi	Dạng câu hỏi/nhiệm vụ bài thi	Mục đích
Nghe hiểu	Khoảng 40 phút, bao gồm thời gian chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời.	3 phần, 35 câu hỏi đa lựa chọn (MCQ)	Thí sinh nghe các đoạn trao đổi ngắn, hướng dẫn, thông báo, các đoạn hội thoại và các bài nói chuyện, bài giảng, sau đó trả lời câu hỏi đa lựa chọn (MCQ) đã in sẵn trong đề thi.	Kiểm tra các tiêu kỹ năng Nghe khác nhau, có độ khó từ bậc 3 đến bậc 5: nghe thông tin chi tiết, nghe hiểu thông tin chính, nghe hiểu ý kiến, mục đích của người nói và suy ra từ thông tin trong bài.
Đọc hiểu	60 phút, bao gồm thời gian chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời.	4 bài đọc, 40 câu hỏi đa lựa chọn	Thí sinh đọc 4 văn bản về các vấn đề khác nhau, độ khó của văn bản tương đương bậc 3-5 với tổng số từ dao động từ 1900-2050 từ. Thí sinh trả lời các câu hỏi đa lựa chọn sau mỗi bài đọc.	Kiểm tra các tiêu kỹ năng Đọc khác nhau, có độ khó từ bậc 3 đến bậc 5: đọc hiểu thông tin chi tiết, đọc hiểu ý chính, đọc hiểu ý kiến, thái độ của tác giả, suy ra từ thông tin trong bài và đoán nghĩa của từ trong văn cảnh.
Viết	60 phút	2 bài viết	Bài 1: Viết một bức thư/ thư điện tử có độ dài khoảng 120 từ Bài 1 chiếm 1/3 tổng số điểm của bài thi Viết. Bài 2: Thí sinh viết một bài luận khoảng 250 từ về một chủ đề cho sẵn, sử dụng kiến thức và trải nghiệm của mình để minh họa cho các lập luận. Bài 2 chiếm 2/3 tổng số điểm của bài thi Viết.	Kiểm tra kỹ năng Viết tương tác và Viết sản sinh.
Nói	12 phút	3 phần: Tương tác xã hội Thảo luận giải pháp Phát triển chủ đề	Phần 1: Tương tác xã hội Thí sinh trả lời 3-6 câu hỏi về 2 chủ đề khác nhau. Phần 2: Thảo luận giải pháp Thí sinh được cung cấp một tình huống và 3 giải pháp đề xuất. Thí sinh phải đưa ra ý kiến về giải pháp tốt nhất trong 3 giải pháp được đưa ra và phản biện các giải pháp còn lại. Phần 3: Phát triển chủ đề Thí sinh nói về một chủ đề cho sẵn, có thể sử dụng các ý được cung cấp sẵn hoặc tự phát triển ý của riêng mình. Phần 3 kết thúc với một số câu hỏi thảo luận về chủ đề trên.	Kiểm tra các kỹ năng Nói khác nhau: tương tác, thảo luận và trình bày một vấn đề.

Bảng điểm quy đổi của VSTEP.3-5

Điểm TB	Bậc năng lực	Mô tả tổng quát
0 – 3,5	Không xét	Không có mô tả
4,0 – 5,5	3	Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc hay gặp trong công việc, học tập, giải trí, v.v... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra lúc đi lại tại khu vực có sử dụng ngôn ngữ. Có thể viết văn bản đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những trải nghiệm, sự kiện, mơ ước, hi vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích cho ý kiến và kế hoạch của mình.
6,0 – 8,0	4	Có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên đạt đến mức các giao tiếp thường xuyên này với người bản ngữ không gây khó khăn cho cả hai bên. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết về nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề có tính thời sự, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.
8,5 - 10	5	Có thể hiểu nhiều loại văn bản khó, dài, và nhận biết được hàm ý. Có thể diễn đạt lưu loát, tức thì, và không thể hiện rõ rệt việc phải tìm từ ngữ diễn đạt. Có thể sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chặt chẽ, chi tiết về các chủ đề phức tạp, thể hiện khả năng sử dụng có kiểm soát các kiểu tổ chức văn bản, sử dụng tốt các liên từ, và các phương tiện liên kết.

Phụ lục 2: Định dạng bài thi CDR bậc 5: Nga, Trung, Pháp, Hàn, Đức, Nhật

ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI XÁC ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TƯƠNG ĐƯƠNG TRÌNH ĐỘ C1 THEO KHUNG THAM CHIẾU CHÂU ÂU)

PHẦN I. NGHE HIỂU

1. Thông tin chung

- Nghe 1 lần
- Thời gian: 20 phút nghe, 6 phút chuyển đáp án sang phiếu trả lời (tổng thời gian: 26 phút)
- Số lượng: 3 bài thi, 30 câu hỏi

2. Cấu trúc bài thi Nghe hiểu

2.1. Bài 1: (10 câu hỏi)

- Yêu cầu: Nghe 10 đoạn hội thoại (hoặc độc thoại) ngắn và trả lời 10 câu hỏi trắc nghiệm 4 lựa chọn sau mỗi đoạn
- Đánh giá: Khả năng nghe hiểu thông tin chính, chi tiết, mục đích giao tiếp, quan điểm và mối liên hệ giữa những người tham gia đối thoại; xác định chủ đề, nơi chốn, tình huống v.v.
- Ngữ liệu: 10 hội thoại hoặc độc thoại ngắn, chủ đề đa dạng

2.2. Bài 2: (8 câu hỏi)

- Yêu cầu: Nghe 2 hội thoại dài và trả lời 4 câu hỏi trắc nghiệm 4 lựa chọn sau mỗi đoạn
- Đánh giá: Kỹ năng nghe hiểu quan điểm, thái độ của người tham gia hội thoại, các thông tin chi tiết trong hội thoại (có thể không theo cấu trúc rõ ràng) ở nhiều tình huống đa dạng, nội dung phong phú
- Ngữ liệu: 2 đoạn hội thoại, mỗi đoạn dài 1,5 - 2 phút, có thể dưới hình thức phỏng vấn, tranh luận, chủ đề phong phú, gồm cả các vấn đề học thuật trừu tượng

2.3. Bài 3: (12 câu hỏi)

- Yêu cầu: Nghe 3 đoạn độc thoại dài và trả lời 4 câu hỏi trắc nghiệm 4 lựa chọn sau mỗi đoạn
- Đánh giá: Kỹ năng nghe hiểu quan điểm, lập luận của người nói cũng như nội dung chính và những thông tin chi tiết
- Ngữ liệu: 3 đoạn độc thoại (bài giảng, thuyết trình), mỗi bài dài khoảng 2 - 3 phút về các chủ đề chuyên môn, xã hội tương đối phức tạp

PHẦN II. ĐỌC HIỂU

1. Thông tin chung

- Thời gian: 50 phút
- Số lượng: 3 bài thi, 40 câu hỏi

2. Cấu trúc bài thi Đọc hiểu

2.1. Bài 1: (10 câu hỏi)

- Yêu cầu: Đọc một đoạn văn bản và trả lời 10 câu hỏi trắc nghiệm 4 lựa chọn
- Đánh giá: Kỹ năng đọc hiểu các thông tin cụ thể trong văn bản dài và phức tạp
- Ngữ liệu: Văn bản dài 350-400 từ dưới hình thức quảng cáo, thông báo, báo cáo, biên bản ghi nhớ, bài báo, bản nhận xét, trích đoạn văn học, bài báo chuyên ngành, trích đoạn sách giáo khoa, sách tham khảo

2.2. Bài 2: (12 câu hỏi)

- Yêu cầu: Đọc 1 hoặc 2 đoạn văn và trả lời 12 câu hỏi trắc nghiệm 4 lựa chọn
- Đánh giá: Kỹ năng đọc hiểu hàm ngôn và dẫn chiếu từ văn bản, thái độ và quan điểm của tác giả được nêu rõ hoặc ẩn ý trong văn bản; khả năng hiểu các chi tiết nhỏ, các miêu tả chi tiết của một quá trình phức tạp
- Ngữ liệu: Văn bản dài 550-600 từ dưới hình thức bài báo, bản nhận xét, trích đoạn văn học, bài báo chuyên ngành, trích đoạn sách giáo khoa, sách tham khảo

2.3. Bài 3: (10 câu hỏi)

- Yêu cầu: Đọc 1 văn bản và 1 đoạn tóm tắt có 10 chỗ trống; hoàn thành đoạn tóm tắt bằng cách chọn một từ/cụm từ trong 4 lựa chọn cho sẵn (ứng với mỗi chỗ trống)
- Đánh giá: Kỹ năng xác định và hiểu ý chính, các chi tiết quan trọng, phức tạp như thái độ, quan điểm của tác giả trong văn bản dài và phức tạp, nội dung chuyên ngành phong phú, đa dạng
- Ngữ liệu: Văn bản dài 400-450 từ dưới hình thức bài báo chuyên ngành, trích đoạn sách giáo khoa, sách tham khảo, bài báo trực tuyến

2.4. Bài 4: (8 câu hỏi)

- Yêu cầu: Đọc 1 văn bản dài và trả lời 8 câu hỏi dưới dạng: Đúng - Sai - Không có thông tin
- Đánh giá: Kỹ năng xác định và hiểu ý chính, các chi tiết quan trọng, phức tạp như thái độ, quan điểm của tác giả trong văn bản dài và phức tạp, nội dung chuyên ngành phong phú, đa dạng
- Ngữ liệu: Văn bản dài 400-450 từ dưới hình thức bài báo chuyên ngành, trích đoạn sách giáo khoa, sách tham khảo, bài báo (trực tuyến), chương trình, báo cáo, thư giao dịch

PHẦN III. VIẾT

1. Thông tin chung

- Thời gian: 60 phút
- Số lượng: 2 bài thi

2. Cấu trúc bài thi Viết

2.1. Bài 1: (20 phút)

- Yêu cầu: Viết báo cáo có độ dài 150 - 180 từ trình bày/miêu tả thông tin được cung cấp dưới dạng biểu đồ, sơ đồ, hình vẽ, văn bản v.v.
- Đánh giá: Kỹ năng tóm tắt ý chính, sắp xếp ý thành câu và đoạn, đưa dấu hiệu về các quan hệ lô-gíc, sử dụng các công cụ liên kết văn bản, diễn giải các thông tin một cách mạch lạc
- Ngữ liệu: Các hình vẽ, biểu đồ, sơ đồ hoặc các đoạn văn bản có độ dài 100-150 từ.

2.2. Bài 2: (40 phút)

- Yêu cầu: Viết một bài luận có độ dài tối thiểu 250 từ về một chủ đề cho trước
- Đánh giá: Kỹ năng viết bài luận rõ ràng, mạch lạc về chủ đề phức tạp, nhấn mạnh những điểm quan trọng; kỹ năng viết một văn bản mở rộng và bảo vệ quan điểm bằng các lý lẽ và ví dụ hợp lý
- Ngữ liệu: Chủ đề có tính trừu tượng, phức tạp

PHẦN IV. NÓI

1. Thông tin chung

- Hình thức: cá nhân (1 thí sinh / lượt)
- Thời gian: 10 phút
- Số lượng: 3 bài thi

2. Cấu trúc bài thi Nói

2.1. Bài 1: (3 phút)

- Yêu cầu: (Phỏng vấn) Trả lời một số câu hỏi ngắn, chủ đề đa dạng, có thể mang tính học thuật
- Đánh giá: Kỹ năng phản hồi nhanh; phát triển ý, giải thích, trình bày có lý lẽ và đánh giá các quan điểm; diễn đạt trôi chảy các quan tâm của cá nhân; sử dụng ngôn ngữ cơ thể và các yếu tố cận ngôn

2.2. Bài 2: (3 phút)

- Yêu cầu: (Độc thoại - miêu tả tranh) Miêu tả 3 bức tranh và trả lời 2 câu hỏi về cùng 1 chủ đề; các chủ đề có thể trừu tượng và phức tạp.
- Đánh giá: Kỹ năng trình bày về một vấn đề trong khoảng thời gian 2 phút một cách rõ ràng, có cấu trúc chặt chẽ, thông tin chi tiết về chủ đề phức tạp; kỹ năng so sánh, đối chiếu, tổng hợp, khái quát và tóm tắt nội dung (từ các bức tranh); kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể và các yếu tố cận ngôn để tăng hiệu ứng cho bài nói
- Ngữ liệu: 3 bức tranh về cùng 1 chủ đề và 2 câu hỏi gợi ý; chủ đề có thể mang tính trừu tượng, phức tạp

2.3. Bài 3: (3 - 4 phút)

- Yêu cầu: (Thảo luận) Thảo luận với giám khảo về một chủ đề gây tranh cãi, trừu tượng và ít thân thuộc với môi trường của người thi
- Đánh giá: Kỹ năng trình bày quan điểm, mở rộng và hỗ trợ quan điểm bằng những ý nhỏ và ví dụ thuyết phục; kỹ năng thảo luận về 2 luồng ý kiến trái chiều của một chủ đề phức tạp, nguyên nhân - kết quả, đề xuất giải pháp, dự đoán tương lai, thỏa thuận, tìm kiếm sự đồng thuận của người tham thoại; kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể và các yếu tố cận ngôn cho bài thảo luận

PHẦN V. TỪ VỰNG - NGỮ PHÁP

1. Thông tin chung

- Các dạng thức bài thi trong phần Từ vựng-Ngữ pháp chỉ mang tính tham khảo. Các đơn vị thiết kế các dạng bài phù hợp với đặc thù ngôn ngữ chuyên ngành của mình.
- Thời gian: 25 phút
- Số lượng: 4 bài thi

2. Cấu trúc bài thi Từ vựng - Ngữ pháp

2.1. Bài 1: (10 câu hỏi)

- Yêu cầu: Cho 1 đoạn văn có 10 chỗ trống, hoàn thành đoạn văn bằng cách chọn một từ/cụm từ trong 4 lựa chọn cho sẵn (ứng với mỗi chỗ trống)
- Đánh giá: Kỹ năng sử dụng một số đơn vị từ vựng ngữ pháp cụ thể như giới từ, dạng động từ, các ngữ như đồng vị ngữ, ngữ cố định, câu và các đơn vị trên câu
- Ngữ liệu: Văn bản dài 150-200 từ dưới hình thức trích đoạn từ sách giáo khoa, sách tham khảo, bài báo (trực tuyến) về hầu hết các chủ đề

2.2. Bài 2: (10 câu hỏi)

- Yêu cầu: Cho một đoạn văn có 10 chỗ trống, ứng với mỗi chỗ trống cho 1 từ ở dạng nguyên thể. Tìm dạng đúng của từ để hoàn thành đoạn văn
- Đánh giá: Kỹ năng sử dụng tiền tố, hậu tố, sử dụng các dạng thức của từ
- Ngữ liệu: Văn bản 120 - 150 dòng dưới hình thức trích đoạn từ sách giáo khoa, sách tham khảo, bài báo (trực tuyến) về hầu hết các chủ đề

2.3. Bài 3: (3 câu hỏi)

- Yêu cầu: Cho 3 câu, mỗi câu có 1 chỗ trống. Tìm từ/cụm từ trong 4 lựa chọn để có thể điền được vào cả 3 chỗ trống
- Đánh giá: Kiến thức từ vựng và các kiến thức về ngữ đồng vị, các nhóm ngữ động từ cố định, các cách kết hợp từ
- Ngữ liệu: Trích từ sách giáo khoa, tham khảo, bài báo trực tuyến, từ điển

2.4. Bài 4: (5 câu hỏi)

- Yêu cầu: Cho câu hoàn chỉnh, và từ/cụm từ gợi ý. Sử dụng từ/cụm từ gợi ý để viết lại câu cho trước so cho ý không thay đổi
- Đánh giá: Kiến thức ngữ pháp từ vựng thể hiện qua khả năng sử dụng hệ thống cấu trúc và từ ngữ đa dạng để diễn tả một cách linh hoạt và chính xác các khái niệm thể hiện qua từ hay cụm từ khoá
- Ngữ liệu: Trích từ sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, bài báo (trực tuyến), từ điển